

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH ẢNH	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
CHƯƠNG I.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở:	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	10
4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất cho cơ sở	10
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước	14
CHƯƠNG II	17
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	17
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	17
CHƯƠNG III	21
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	21
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	21
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	21
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	21
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	25
2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi từ phương tiện vận chuyển.....	25
2.3. Không chế ô nhiễm do dung môi hữu cơ bay hơi trong quá trình phun sơn:	26
3. Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	27
4. Công trình lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại	29
4.1. Khối lượng CTNH phát sinh.....	29
4.2. Biện pháp thu gom, Công trình lưu giữ CTNH	29
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	30
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	30
CHƯƠNG IV	33
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	33
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	34
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	35
CHƯƠNG V	37
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	37
CHƯƠNG VI.....	39
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA.....	39
CƠ SỞ.....	39
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	39

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	39
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	39
2. Chương trình quan trắc chất thải	39
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	39
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không	40
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	40
CHƯƠNG VII.....	41
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	41
CHƯƠNG VIII	42
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	42
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.....	42
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan.....	42

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1 – Sơ đồ vị trí Công ty Cổ phần Trường Thành.....	6
Hình 2 – Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất.....	8
Hình 3 – Một số hình ảnh về dây chuyền sản xuất của Công ty.....	10
Hình 4 – Sơ đồ thoát nước mưa tại Công ty	21
Hình 5 – Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	22
Hình 6 – Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sản xuất.....	23
Hình 7 – Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc	24
Hình 8 – Quy trình thu gom CTRCNTT	28

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1– Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở.....	7
Bảng 2 – Sản phẩm và công suất sản xuất.....	8
Bảng 3 – Nhu cầu sử dụng nguyên phụ liệu	10
Bảng 4 – Thiết bị của Công ty	11
Bảng 5 – Nhu cầu về nhiên liệu, điện, nước.....	15
Bảng 6 – Tính toán nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở.....	15
Bảng 7 – Nồng độ các chất có trong nước mưa chảy tràn.....	19
Bảng 8 – Khối lượng các chất ô nhiễm do mỗi người thải ra hàng ngày khi chưa xử lý.....	22
Bảng 9 – Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	24
Bảng 10 – Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	25
Bảng 11 – Chất thải rắn công nghiệp thông thường	28
Bảng 12 – Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại công ty	29
Bảng 13 – Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải... ..	33
Bảng 15 – Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải qua hệ thống lọc bụi tay áo	34
Bảng 16 – Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải qua hệ thống thu gom bụi sơn bằng màng nước.....	35
Bảng 17 – Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	35
Bảng 18 – Giá trị giới hạn đối với độ rung.....	36
Bảng 19 – Kết quả quan trắc chất lượng không khí	37
Bảng 20 – Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	39

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BTNMT	:	Bộ tài nguyên môi trường
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
HT	:	Hệ thống
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
NĐ	:	Nghị định
UBND	:	Ủy ban nhân dân
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	:	Quyết định
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
STT	:	Số thứ tự
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
CP	:	Cổ phần

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

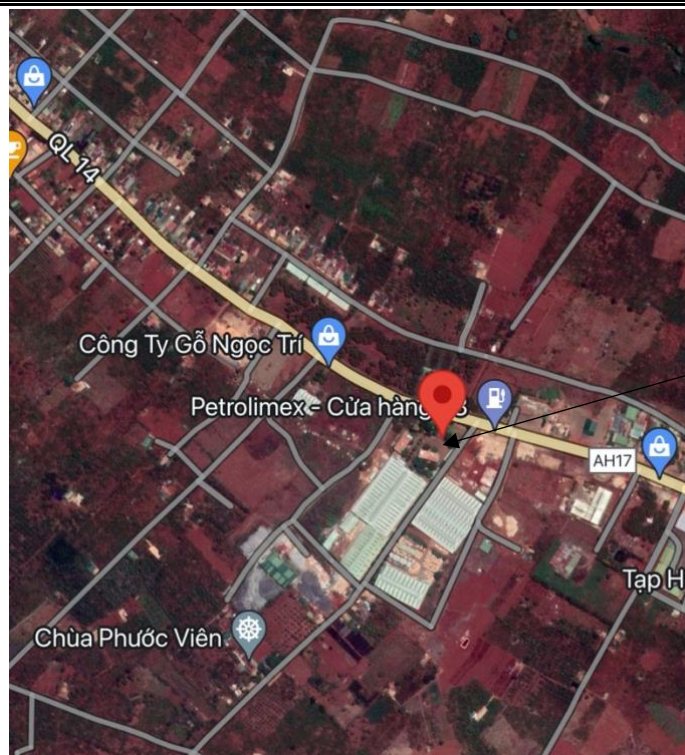
1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty cổ phần Trường Thành
- Địa chỉ trụ sở kinh doanh: Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Hữu Phúc Nam
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ liên hệ: Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk
- Điện thoại: 0262.3.777451
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000630179 đăng ký lần đầu ngày 13/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25/9/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

2. Tên cơ sở:

a. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Trường Thành
- Địa điểm cơ sở: Cơ sở nằm trong cụm Công nghiệp Ea Ral thuộc Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk
- Tổng diện tích đất sử dụng là: 14.884 m² (*Giấy chứng nhận QSDĐ đính kèm phụ lục*).
- Vị trí cơ sở như sau:
 - + Phía Bắc giáp: nhà đường Quốc lộ 14
 - + Phía Nam giáp: đường liên xóm
 - + Phía Đông giáp: đường liên thôn (Cửa hàng xăng dầu)
 - + Phía Tây giáp: đất nhà dân



Hình 1 – Sơ đồ vị trí Công ty Cổ phần Trường Thành

b. Các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:

Lịch sử hình thành: Năm 1993, Tập Đoàn Trường Thành được khởi nguồn từ một xưởng sơ chế nhỏ tại vùng cao nguyên hẻo lánh tỉnh Đắk Lắk, chỉ với khoảng 30 công nhân. Lúc bấy giờ, với cơ sở hạ tầng rất hạn chế, máy móc thiết bị thô sơ nên việc sản xuất chỉ đủ cung cấp cho các công trình xây dựng ở một số tỉnh thành trong nước, một số ít xuất đi nước ngoài.

Hơn mười ba năm sau, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ông Võ Trường Thành – Chủ tịch Tập Đoàn kiêm Tổng giám đốc, cùng với sự đồng tâm hiệp lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp và giỏi nghề, đến nay, Trường Thành đã phát triển thành một Tập Đoàn hùng mạnh. Trong đó, Công ty Cổ phần Trường Thành tại Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H’leo, Đắk Lắk với số lao động giao động 200-300 nhân công mà đa phần còn rất trẻ, năng động, cầu thị và ham học hỏi.

Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất đồ gỗ tinh chế xuất khẩu” của Công ty cổ phần Trường Thành số 453/XN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk xác nhận ngày 26/7/2004.

c. Quy mô cơ sở

Cơ sở có tổng mức đầu tư 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn), căn cứ tính chất, loại hình được quy định tại Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 dự án thuộc nhóm C.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

Cơ sở thuộc mục II, phụ lục V, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Căn cứ Khoản 1, Điều 39 và Khoản 4 Điều 41, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Công ty CP Gỗ Trường Thành thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường trình UBND huyện Ea H'Leo thẩm định và phê duyệt.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở thực hiện theo nội dung tại phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Quy mô đầu tư xây dựng của cơ sở:

Các hạng mục công trình của cơ sở: Để phục vụ quá trình sản xuất của cơ sở thì chủ cơ sở đã tiến hành xây dựng các hạng mục công trình chính: Nhà điều hành 01 tầng, nhà xưởng sản xuất có mái che và các hạng mục công trình phụ trợ khác. Hiện tại các hạng mục của cơ sở đã được xây dựng hoàn thiện. Các hạng mục công trình phục vụ quá trình hoạt động của cơ sở được thể hiện trong bảng số liệu sau:

Bảng 1– Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Hiện trạng
I	Hạng mục công trình chính		
1	Kho nguyên liệu	4.000	Đã xây dựng
2	Kho thành phẩm	4.000	Đã xây dựng
3	Phân xưởng sơ chế	1.500	Đã xây dựng
4	Khu văn phòng, giải trí	1.500	Đã xây dựng
II	Hạng mục công trình phụ trợ		
1	Nhà để xe	100	Đã xây dựng
2	Nhà bảo vệ	20	Đã xây dựng
3	Bể nước PCCC	240	Đã xây dựng
4	Khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại	20	Đã xây dựng
5	Kho chứa bụi, mùn cưa	144	Đã xây dựng
6	Bãi tập kết nguyên liệu gỗ đầu vào	1.400	Đã xây dựng
7	Hệ thống mương, hồ ga thu gom thoát nước mưa	-	Đã xây dựng
8	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	-	Đã xây dựng
9	Hệ thống đường giao thông nội bộ, cây xanh, công trình khác	-	Đã xây dựng

Diện tích còn lại bao gồm hệ thống mương, hồ ga thu gom thoát nước mưa; hệ thống thu gom thoát nước thải, đường giao thông nội bộ, cây xanh và các công trình khác.

- Nhà xưởng sản xuất: Nhà xưởng sản xuất của cơ sở được xây dựng bằng nhà thép tiền chế, mái và vách ngăn xung quanh được bao bọc bằng tôn. Trần là mái tôn lạnh tản nhiệt.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

- Nhà bảo vệ: được xây dựng bằng bê tông cốt thép, được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường gạch, mái được lợp bằng tôn.
- Nhà điều hành và khu làm việc: Được xây dựng bằng bê tông cốt thép, mái được lợp tôn.
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: được xây dựng bằng bê tông cốt thép, được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường gạch, mái được lợp bằng tôn.

3.2. Sản phẩm và công suất sản xuất

Công ty CP Trường Thành đầu tư xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị sản xuất các sản phẩm nội thất từ gỗ với quy mô: 12.000 m³ gỗ xẻ chi tiết/năm.

Sản phẩm và công suất sản xuất hoạt động của Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2 – Sản phẩm và công suất sản xuất

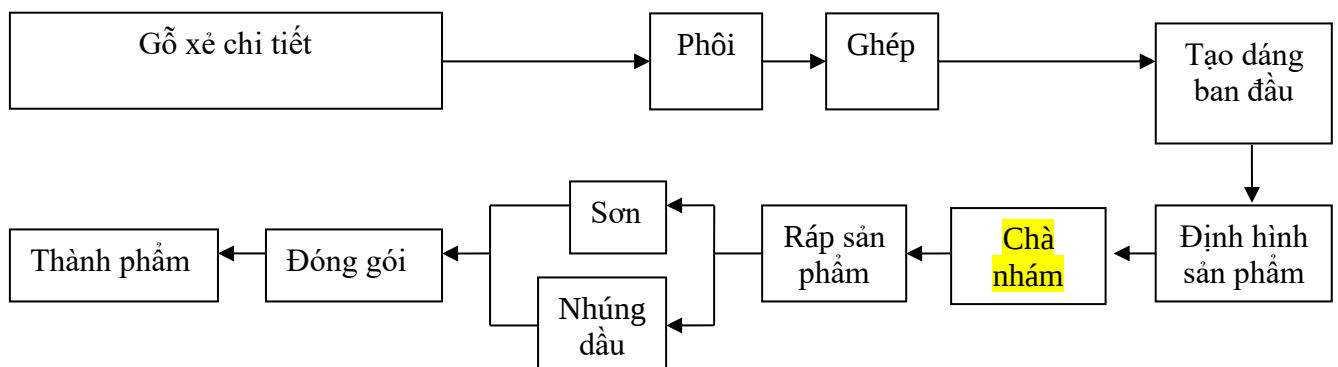
STT	Sản phẩm SX	ĐVT	Số lượng/tháng
1	Bàn	Cái	9.693
2	Ghế	Cái	9.612
3	Tủ	Cái	175
4	Kệ	Cái	5.200
5	Giường	Cái	3.000

(Nguồn: Công ty CP Trường Thành)

+ Cơ sở hoạt động với 300 nhân viên gồm ban lãnh đạo, công nhân, bảo vệ, và nhân viên văn phòng.

+ Thời gian hoạt động: 7h30-17h từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần. Công ty nghỉ ngày thứ 7 và chủ nhật.

- Công nghệ, quy trình hoạt động:



Hình 2 – Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu gỗ xẻ chi tiết (Gỗ keo Tràm) là những thanh gỗ đã được đặt hàng cưa xẻ có kích thước theo yêu cầu của sản phẩm và đã được sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Km 83, thị trấn Ea Đăng). Sau đó gỗ được chuyển giao bộ phận tạo dáng để thực hiện việc cắt, bào, xén, gọt để tạo phôi. Sau khi có phôi sẽ tiến hành ghép nếu có yêu cầu và chuyển sang công đoạn tạo dáng ban đầu và loại bỏ những chi tiết hỏng để chuyển giao phân đoạn định hình. Phân đoạn định hình sau khi tiếp nhận các chi tiết sản phẩm bằng cách bào, rô tơ, khoan, đục mộng, chà nhám rồi chuyển giao phân đoạn lắp ráp. Các chi tiết khi đã hoàn thiện sẽ được ráp lại để tạo thành sản phẩm ban đầu, sau đó sẽ được làm nguội, chà nhám rồi chuyển qua sơn hoặc nhúng dầu, cuối cùng là đóng gói sản phẩm và xuất khẩu. Tất cả các công đoạn sản xuất đều có nhân viên kiểm tra chất lượng, đảm bảo công tác an toàn lao động và công tác an toàn cháy nổ.

- Sản phẩm của cơ sở:

Các sản phẩm làm từ gỗ như: Bàn, ghế, tủ, kệ giường. Một số hình ảnh về dây chuyền sản xuất tại công ty:





Hình 3 – Một số hình ảnh về dây chuyền sản xuất của Công ty

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất cho cơ sở

Nguồn nguyên liệu sử dụng trong hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là gỗ xẻ chi tiết được mua từ các Công ty chuyên cung cấp gỗ (*có các hợp đồng mua nguyên liệu kèm theo phụ lục*). Nguồn nguyên liệu sau khi vận chuyển về Công ty sẽ được nhân viên kiểm tra chất lượng tại khu vực bãi tập kết, phân loại rồi nhập kho hoặc chứa tại các bãi gỗ nằm trong khuôn viên Công ty. Ngoài ra Công ty còn sử dụng một số loại phụ liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất. Số lượng nguyên phụ liệu sử dụng để sản xuất cho Công ty được nhập từ các Công ty chuyên sản xuất và cung ứng (*có các hợp đồng mua nguyên liệu kèm theo phụ lục*) như bảng sau:

Bảng 3 – Nhu cầu sử dụng nguyên phụ liệu

STT	Nguyên phụ liệu	Khối lượng sử dụng	Đơn vị
1	Gỗ (keo Tràm) chi tiết	1.000	m ³ /tháng
2	Dầu màu các loại	850	lít/tháng
3	Sơn các loại	650	lít/tháng

(*Nguồn: Công ty CP Trường Thành*)

Công ty cam kết các nguyên liệu, hóa chất sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành. Đồng thời công ty cam kết không nhập gỗ lậu, trái phép theo quy định của pháp luật.

Thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của Công ty

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

Bảng 4 – Thiết bị của Công ty

STT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tình trạng hoạt động
1	Trạm biến áp 630 KVA	Cái	01	Bình thường
2	Máy chiếu Acer – pd11700	Cái	01	//
3	Máy phát điện Mistubishi 619KVA	Cái	01	//
4	Hệ thống ống dẫn hơi khí nén	HT	01	//
5	Hệ thống điện sản xuất	HT		
6	Hệ thống thác sơn	HT	01	//
7	Hệ thống hút bụi toàn nhà máy (ống + 02 máy hút bụi)	HT	01	//
8	Cảo chữ A	Cái	06	//
9	Máy làm mông Oval 2 đầu nạp liệu tự động 02 (TSD/CSF2)	Cái	01	//
10	Máy cưa tự động nạp liệu KTS (IMPERIAL)	Cái	01	//
11	Máy chép hình biến dạng 4 đầu – chà nhám (Model FC4)	Cái	01	//
12	Máy làm mông âm đa đầu 01 (Model MX4/4+4)	Cái	01	//
13	Máy làm mông âm đa đầu 01 (Model MX4/4+4)	Cái	01	//
14	Máy làm mông Oval 2 đầu nạp liệu tự động 01 (TSD/CSF2)	Cái	01	//
15	Máy CNC 5 trục với 2 bộ nạp liệu tự động	Cái	01	//
16	Máy bào / định hình 4 mặt 6 trục (Model: GS – 623)	Cái	02	//
17	Máy chà nhám thùng khổ rộng hạng nặng (TCP-1300H)	Cái	01	//
18	Máy bào / định hình 4 mặt 4 trục (Model: GS – 423)	Cái	02	//
19	Máy cắt làm mông 2 đầu tự động (Model: RH – 86A)	Cái	01	//
20	Máy chà nhám thùng khổ rộng (Model: TCP – 600AE)	Cái	02	//
21	Máy mài hợp kim tự động (Model: SA – 250)	Cái	02	//
22	Máy mài dao thẳng tự động (Model: SA – 630)	Cái	01	//
23	Máy bào thẩm (Model: AN – 616)	Cái	02	//

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

STT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tình trạng hoạt động
24	Máy bào cuộn tự động (Model: AN – 24H)	Cái	01	//
25	Máy khoan ngang nhiều đầu (Model: SY – 663)	Cái	01	//
26	Máy cắt và làm mỏng 2 đầu	Cái	01	//
27	Máy khoan ngang nhiều đầu (Model: SY – L6)	Cái	01	//
28	Máy nạp liệu tự động	Cái	02	//
29	Máy cưa đu	Cái	01	//
30	Bộ máy nén khí 50HP	Cái	03	//
31	Máy cưa bàn đẩy	Cái	01	//
32	Máy khoan 1 đầu	Cái	01	//
33	Máy khoan 16 đầu	Cái	01	//
34	Máy tuppi 2 trục	Cái	03	//
35	Máy khoan lỗ đa năng (Khoan ngang, khoan đứng)	Cái	01	//
36	Máy hút bụi AMANO (xe bánh lốp)	Cái	01	//
37	Máy cắt ngang	Cái	01	//
38	Máy khoan đứng 8 mũi – ND008TL	Cái	01	//
39	Máy khoan ngang 12 mũi – KN 12A	Cái	01	//
40	Máy khoan ngang 6 mũi – KN 06A	Cái	01	//
41	Máy chà nhám bằng thân sắt max 2300 – CNBS230	Cái	01	//
42	Máy Router chép hình	Cái	01	//
43	Máy cắt xéo 45°	Cái	01	//
44	Máy chà nhám cont	Cái	01	//
45	Máy cắt	Cái	02	//
46	Máy cưa	Cái	01	//
47	Máy khoan	Cái	01	//
48	Máy bào 2 mặt 600mm	Cái	02	//
49	Máy cắt chót	Cái	01	//
50	Máy cắt phay 2 đầu	Cái	01	//
51	Máy cắt phay 2 đầu tự động xuất liệu	Cái	01	//

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

STT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tình trạng hoạt động
52	Máy chà nhám thanh cong	Cái	01	//
53	Máy chuột chốt	Cái	01	//
54	Máy làm móng âm đa đầu	Cái	01	//
55	Máy phay chép hình tròn tự động	Cái	01	//
56	Máy phay móng Finger	Cái	02	//
57	Máy phay móng Oval dương	Cái	01	//
58	Máy nạp liệu tự động	Bộ	02	//
59	Máy Router tốc độ cao	Cái	01	//
60	Máy ghép dọc	Cái	01	//
61	Máy ghép ngang + 50 tay cào	Cái	01	//
62	Máy phay móng đa năng	Cái	01	//
63	Máy phay rãnh carô đầu tay	Cái	01	//
64	Máy mài lưỡi cưa, máy cắt hơi	Cái	01	//
65	Máy bọc màng co lớn	Cái	01	//
66	Máy nhúng dầu	Cái	01	//
67	Máy Router lưỡi dưới RL60	Cái	02	//
68	Máy mài dao hợp kim đa năng	Cái	01	//
69	Máy tuppi 2 trục	Cái	02	//
70	Máy chép hình tròn 1,0m tự động	Cái	01	//
71	Máy tiện sắt	Cái	01	//
72	Máy ghép ngang 4000x1100 – 20 giàn, 200 tay cào	Cái	01	//
73	Bộ máy chuột chốt và chà nhám tròn	Bộ	01	//
74	Máy ép 01 thớt	Cái	01	//
75	Máy tiện gỗ tay	Cái	01	//
76	Máy cưa bàn trượt Altendorf WA8	Cái	01	//
77	Máy khoan cần 1HP	Cái	01	//
78	Máy bào 4 mặt 6 trục (Format – DL1)	Cái	01	//
79	Máy chà nhám băng thân ngang CNBG 260	Cái	01	//
80	Máy chà nhám băng thân sắt CNBS 230	Cái	01	//

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

STT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Tình trạng hoạt động
81	Máy ráp tủ thủy lực	Cái	01	//
82	Máy ráp khung thủy lực	Cái	01	//
83	Máy ép nguội 03 thớt (1,2x2,4)m	Cái	01	//
84	Máy mài lưỡi cưa tự động	Cái	02	//
85	Máy bào 2 mặt 0,8m	Cái	01	//
86	Máy cào ngang Hồng Ký	Cái	01	//
87	Máy cắt phay 2 đầu	Cái	01	//
88	Máy chà nhánh thùng	Cái	01	//
89	Máy Finger Join	Cái	02	//
90	Máy ghép dọc Hồng Ký	Cái	01	//
91	Máy hút bụi	Cái	01	//
92	Máy rọc Ripsaw nhỏ	Cái	01	//
93	Băng chuyền đóng gói	Cái	01	//
94	Máy khoan 2 đầu (trên xuống)	Cái	01	//
95	Máy khoan chốt 2 đầu	Cái	01	//
96	Máy làm mộc Finger	Cái	01	//
97	Máy hơi đốt than (dùng PX ván bóc)	Cái	01	//
98	Máy tiện NB 5HPx500mm	Cái	01	//
99	Máy tiện Daiwa 5HPx500mm	Cái	01	//

(Nguồn: Công ty CP Trường Thành)

Ngoài ra còn có một số phụ tùng đi kèm như các thiết bị lắp đặt đi kèm với máy móc thiết bị trên, quần áo bảo hộ lao động, trang thiết bị bảo hộ lao động, dụng cụ chuyên dùng trong sản xuất, hệ thống máy lạnh trung tâm, hệ thống kệ kho...

4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước

Để cho ra một sản phẩm đồ gỗ hoàn chỉnh không chỉ sử dụng nguyên liệu chính là gỗ. Bên cạnh đó, trong quá trình sản xuất Công ty còn sử dụng một lượng nước phục vụ cho quá trình sơn gỗ, sinh hoạt của công nhân; điện phục vụ cho quá trình thắp sáng, quá trình vận hành máy móc, thiết bị hoặc dây chuyền sản xuất cùng với nhiên liệu để phục vụ cho quá trình sản xuất. Lượng nhiên liệu, điện và nước sử dụng trong quá trình sản xuất được thể hiện ở bảng sau *(Có kèm theo hóa đơn thanh toán một số nhiên liệu kèm theo phụ lục)*:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

Bảng 5 – Nhu cầu về nhiên liệu, điện, nước

STT	Nhiên liệu	ĐVT	Số lượng sử dụng
1	Điện	Kwh/tháng	100.000
2	Nước	m ³ /tháng	310
3	Dầu diesel	lít/tháng	500
4	Dầu hỏa	lít/tháng	50
5	Nhớt	lít/tháng	100
6	Xăng	lít/tháng	20

(Nguồn: Công ty CP Trường Thành)

Nước chủ yếu dùng cho tưới cây, tưới ẩm giao thông và dự phòng PCCC, một phần dùng cho sinh hoạt và sản xuất.

Các loại nguyên phụ liệu, nhiên liệu sau khi nhập về được phân loại và bảo quản trong các kho chứa, các bãi chứa gỗ. Việc vận chuyển, bảo quản phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ và an toàn lao động theo quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam.

Nhu cầu sử dụng nước thực tế:

Lượng nước này sử dụng với cho nhiều mục đích khác nhau như: Nước sinh hoạt, nước vệ sinh công ty, nước sử dụng cho quá trình hấp thụ bụi sơn trong công đoạn phun sơn.

Bảng 6 – Tính toán nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở

STT	Hoạt động sử dụng nước	Tiêu chuẩn	Nhu cầu (m ³ /ngày)	Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày)
1	Sinh hoạt của nhân viên	25 lít/người.ngày ^(b) x 300 người	7,5	7,5
2	Nước cấp cho phun sơn	-	0,05	0,05
3	Nước tưới cây, tưới đường giảm bụi, vệ sinh cơ sở	-	4	4
4				
	Tổng		11,55	11,55

Ghi chú:

^(b) : Số lượng cán bộ nhân viên tại cơ sở 300 người/ngày. Theo TCXDVN 33:2006 – cấp nước– mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế) thì nhu cầu sử dụng là 25l/người.ngày.

Ngoài ra còn có một lượng nước dự trữ cho phòng cháy chữa cháy. Theo TCVN 2622:1995 PCCC, lưu lượng cho 01 vòi chữa cháy là 2,5 L/giây, trường hợp 02 đám cháy xảy ra đồng thời sẽ sử dụng 02 vòi chữa cháy, thời gian chữa cháy liên tục là 3 giờ thì lưu lượng nước sử dụng là: $2,5 \times 3600 \times 2 \times 3 = 54.000\text{L} = 54\text{m}^3$. Lượng nước dùng cho công tác PCCC sẽ được lấy từ bể chứa nước chữa cháy (chủ cơ sở bố trí bồn nước trong khuôn viên của Công ty).

Nguồn cung cấp điện:

Hiện tại khu vực đã có lưới điện Quốc gia, nguồn điện cấp thường xuyên và cơ sở còn sử dụng máy phát điện dự phòng Mistubishi 619 KVA (tuy nhiên rất hiếm khi sử dụng).

Nguồn cung cấp nước:

Sử dụng nước giếng khoan trong khuôn viên của Công ty.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở được bố trí trên diện tích đất của Cụm công nghiệp Ea Ral, vị trí phù hợp Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 (Cụm Công nghiệp Ea Ral trước kia là Cụm công nghiệp Trường Thành Ea H'Leo được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 và được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Trường Thành – Ea H'Leo. Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần Quản lý Cụm công nghiệp Trường Thành Ea H'Leo đã hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục: Đánh giá tác động môi trường, hồ sơ thuê đất, hồ sơ để phê duyệt dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đến tháng 8/2013, chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Quản lý cụm công nghiệp Trường Thành – Ea H'Leo vẫn chưa thực hiện đầu tư bất cứ hạng mục nào của dự án. Vì vậy, ngày 30/8/2013 UBND tỉnh ban hành Công văn số 6033/UBND-CN về việc chấm dứt chủ trương đầu tư xây dựng dự án cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Trường Thành – Ea H'Leo giao cho huyện quản lý. Sau khi tham mưu hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục có liên quan, ngày 28/5/2018 UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Ea Ral tại Quyết định số 1123/QĐ-UBND với quy mô 33 ha, được UBND tỉnh phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND, ngày 17/7/2015).

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở (tháng 5/2023), quy hoạch tỉnh Đắk Lắk và phân vùng môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Do đó, báo cáo không có cơ sở để đề cập cụ thể đến nội dung này.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Về khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải phát sinh:

2.1.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên khoảng 7,5 m³/ngày được thu gom toàn bộ về bể tự hoại 3 ngăn, tại đây được xử lý sơ bộ.

Số lượng bể tự hoại: 03 bể (được bố trí trong khuôn viên 03 nhà vệ sinh), được xây dựng bằng BTCT có chống thấm 02 lớp với thể tích mỗi bể là 32 m³, tổng thể tích 03 bể là 96 m³. Định kỳ 01 tuần/lần, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng hút, xử lý theo quy định với tần suất thu gom, do đó không phát thải ra môi trường, không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường trong khu vực cơ sở.

Khi có hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực, nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung.

2.1.2. Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án sẽ cuốn theo đất, cát và các chất hữu cơ rơi vãi,... xuống nguồn nước, gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước khu vực.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn được tính như sau:

$$Q = \varphi \times q \times F \text{ (l/s)}$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng tính toán (l/s);

φ : là hệ số dòng chảy, mặt phủ là đất, độ dốc nhỏ, $\varphi=0,37$ (TCVN 7957: 2008);

q: Cường độ mưa tính toán (l/s.ha). Cường độ mưa được xác định theo công thức của Viện thiết kế, Bộ giao thông:

$$q = \frac{A(1 + C \lg P)}{(1 + b)^n} \text{ (lít/s/ha)}$$

Trong đó:

t: Thời gian dòng chảy mưa, (s);

A, C, b, n: Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương, chọn A=8.920; C=0,58; b=28; n=0,93.

Tính toán được cường độ mưa tại khu vực dự án là 240,03 lít/s/ha.

F: Diện tích khu vực (ha). F= 2,5638 ha

$$\text{Vậy } Q = 2,5638 \times 240,03 \times 0,4 = 208,999 \text{ l/s} = 0,209 \text{ m}^3/\text{s}.$$

Trong nước mưa thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như: dầu mỡ, bụi... từ những ngày không mưa. Lượng chất không tan tích tụ trong một khoảng thời gian được xác định theo công thức (*Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản*, PGS.TS Trần Đức Hạ, NXB Xây dựng, 2009):

$$M = M_{\max} [1 - \exp(-k_z.T)] F$$

Trong đó:

- $M_{\max}$: Lượng chất không tan lớn nhất trong khu vực, 50 kg/ha;
- k_z : Hệ số động học tích lũy chất bẩn ở khu vực, $k_z=0,8\text{ng}^{-1}$;
- T: Thời gian tích lũy chất bẩn, T=15 phút;
- F: Diện tích khu vực.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

Vậy tải lượng chất ô nhiễm trong nước mưa là:

$$M=50 \times (1 - \exp(-0,8 \times 15)) \times 2,5638 = 108,367 \text{ kg.}$$

Từ kết quả tính toán cho thấy, tải lượng chất ô nhiễm trong nước mưa là 108,367 kg. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn ước tính như trong bảng sau:

Bảng 7 – Nồng độ các chất có trong nước mưa chảy tràn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nồng độ
1	Tổng Nitơ	mg/L	0,5 – 1,5
2	Tổng Phospho	mg/L	0,0003 – 0,004
3	Nhu cầu oxy hóa học, COD	mg/L	10 – 20
4	Tổng chất rắn lơ lửng, TSS	mg/L	10 – 20

Nguồn số liệu: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)

Nhìn chung, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa đều thấp nên chỉ cần thực hiện tốt biện pháp thu gom rồi cho thoát ra ngoài môi trường mà không cần có biện pháp xử lý.

Hiện tại khu vực đường giao thông đoạn qua cơ sở đã được CCN đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung, do đó trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở sẽ chủ động thực hiện thu gom, thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, không để xảy ra ngập úng trong khu vực xung quanh cơ sở.

2.3. Nước thải sản xuất

Cơ sở sử dụng màng lọc nước để ngăn, hạn chế sơn phát tán ra môi trường bên ngoài, lượng nước này được tuần hoàn thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình sản xuất của công ty, không phát sinh ra môi trường. Để nước luôn được tuần hoàn chủ cơ sở đã bố trí hệ thống lọc thô hoạt tính (than, đá sỏi), định kỳ 01 lần/năm lớp lọc thô này và sơn cặn lẫn nước sẽ được tập kết chung với chất thải nguy hại và xử lý theo quy định.

Hiện tại Cụm công nghiệp chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, do đó cơ sở đang xử lý cục bộ. Định hướng theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 02/11/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 (trong đó đề ra chỉ tiêu 100% cụm công nghiệp đến năm 2023 có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường) sau khi có hệ thống chung, chủ cơ sở sẽ đầu tư theo yêu cầu.

2.4. Về khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận khí thải

Hoạt động của cơ sở sẽ phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động giao thông, vận chuyển nhập nguyên liệu, xuất hàng hóa, bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất... góp phần làm gia tăng hàm lượng bụi, khí thải, tiếng ồn trong môi trường không khí của CCN. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu đến môi trường không khí. Đồng thời, dự án nằm tại khu vực thông thoáng, có chất lượng nền không khí tương đối tốt nên khả năng tác động đến môi trường không khí của CCN là không đáng kể (có kết quả quan trắc môi trường kèm theo).

2.5. Về khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở đã được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý do vậy khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải nguy hại của cơ sở hoàn toàn có thể đáp ứng được.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

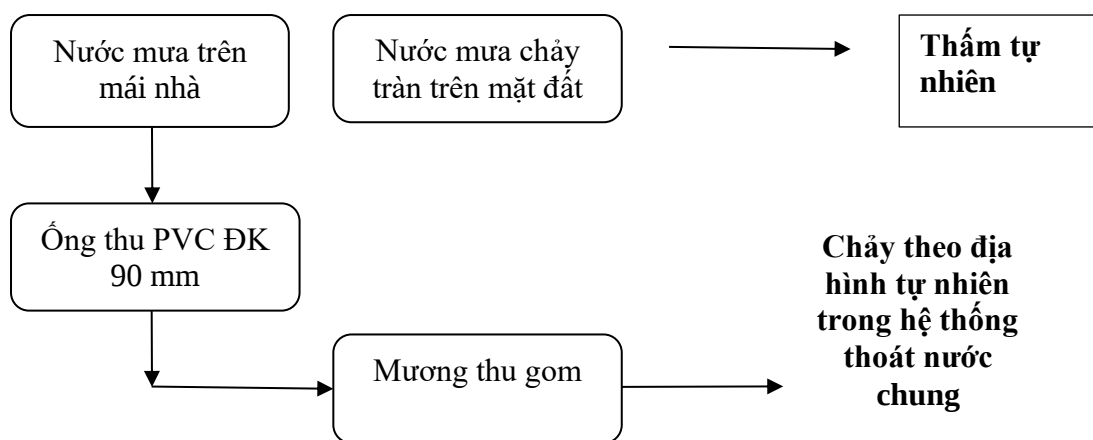
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở. Toàn bộ diện tích xung quanh các hạng mục xây dựng đã được bê tông hóa, phục vụ cho việc đi lại và thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn.

+ *Thu nước mưa trên mái*: Nước mưa trên mái được thu gom bằng ống dẫn loại PVC đường kính 90 mm theo máng dẫn xuống hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn dưới mặt đất.

+ *Thu nước mưa chảy tràn trên mặt đất*: Nước mưa chảy tràn trên sân bãi bao gồm tuyến cống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực

- Phương thức thoát nước mưa: Tự chảy theo độ dốc địa hình và thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực



Hình 4 – Sơ đồ thoát nước mưa tại Công ty

Tại khu vực bãi tập kết gỗ, để hạn chế nước mưa chảy tràn kéo tạp chất, chủ cơ sở bố trí bãi tập kết gỗ là nền xi măng, xung quanh có rãnh thu toàn bộ lượng nước mưa chảy ngấm từ gỗ tập kết về và dẫn ra hệ thống thoát nước chung, không để chảy tràn trên bề mặt địa hình.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm các nguồn:

- Nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của 300 nhân viên là 7,5 m³/ngày, lượng thải phát sinh là 7,5 m³/ngày.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

Tham khảo đánh giá nhanh ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), khối lượng các chất ô nhiễm do mỗi người thải ra hàng ngày khi chưa được xử lý theo bảng như sau:

Bảng 8 – Khối lượng các chất ô nhiễm do mỗi người thải ra hàng ngày khi chưa xử lý

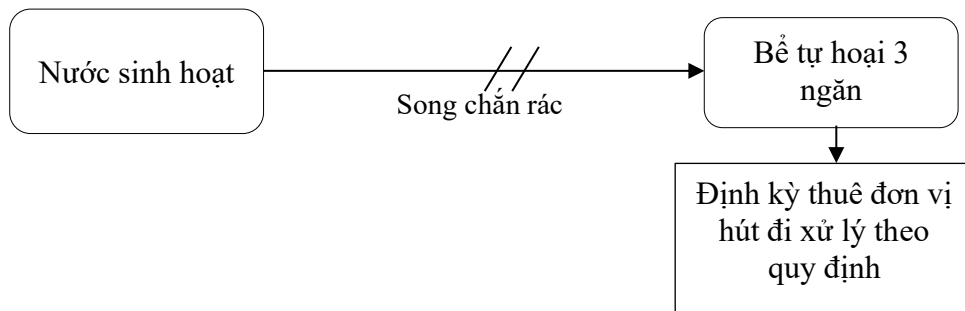
Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)
BOD ₅	45 – 54
COD	72 - 102
SS	70 - 145
Tổng nitơ	6 – 12
Amoni	2,4 - 4,8
Tổng photpho	0,8 - 4,0

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới - WHO)

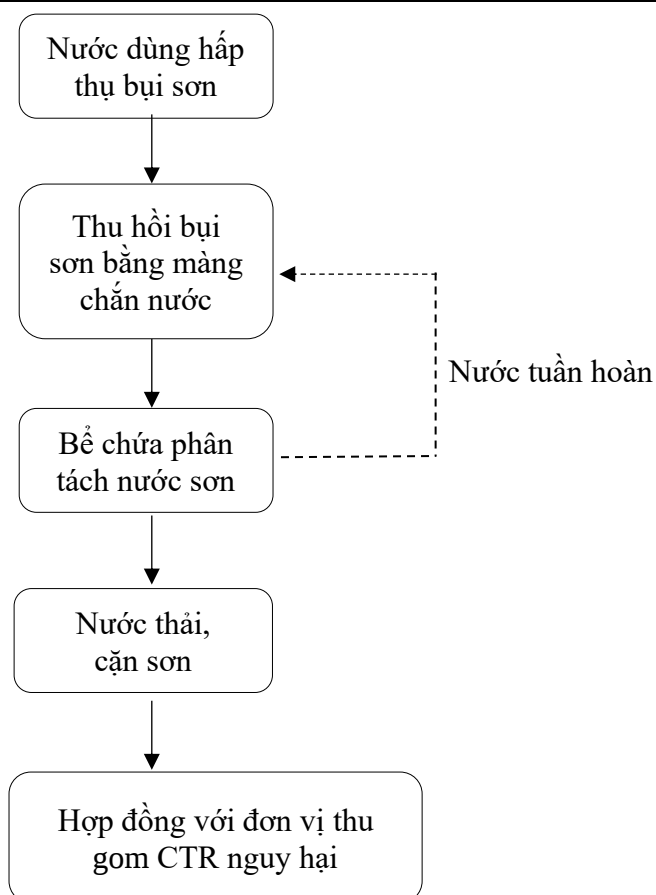
- Nước phục vụ cho sản xuất:

Nước sử dụng cho quá trình hấp thụ bụi sơn trong công đoạn phun sơn, lượng sử dụng 1,5 m³/tháng, lượng nước này được bơm sử dụng tuần hoàn lại và lượng thải phát sinh (nước có chứa sơn) là 100 lít/tháng, cặn sơn 5 kg/tháng. Lượng nước thải ra bao gồm các thành phần như bụi sơn, hơi dung môi, màu nên đây là loại chất thải nguy hại cần phải được thu gom riêng để xử lý trước khi thải ra môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường nước tại khu vực.

Công trình thu gom nước thải phát sinh tại Công ty



Hình 5 – Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt



Hình 6 – Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sản xuất

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh được thu gom toàn bộ và dẫn về bể tự hoại 3 ngăn định kỳ được chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ quá trình xử lý bụi sơn bằng màng nước (trong dây chuyền khung cửa). Lượng nước này được sử dụng tuần hoàn, nước thải và cặn sơn, hệ thống lọc hoạt tính định kỳ được thu hồi vào thùng chứa riêng. Định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

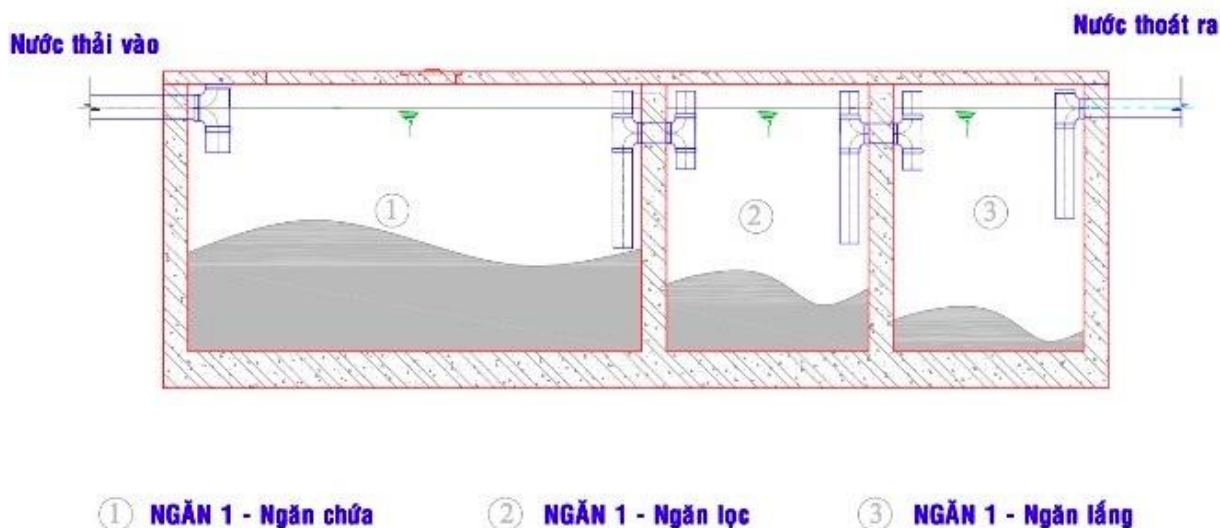
Nước thải sinh hoạt và nước thải cặn sơn được Hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý, có kèm theo phương án chuyển giao nước thải và phương án xử lý nước thải của đơn vị nhận bàn giao theo quy định tại Khoản 4 Điều 74 Nghị định 08/2022/NĐ-CP). Nước thải được chuyển giao bằng phương tiện giao thông đảm bảo không rò rỉ trong quá trình chuyên chở, vận chuyển; có khoang chứa nước thải kín, chống thấm, chống rò rỉ, chống phát tán mùi, chống ăn mòn do vận chuyển nước thải, đảm bảo đúng theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 74 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Thuyết minh quy trình thu gom, xử lý nước thải:

Thiết bị tách rác: Đây là thiết bị quan trọng đầu tiên của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt (nước rửa tay chân, vệ sinh...) được đưa xuống ống

nước theo đường tự chảy, rác thô sẽ bị ngăn chặn lại tại đây để tránh hiện tượng tắc nghẽn ống nước làm ảnh hưởng đến máy bơm cũng như các thiết bị khác của hệ thống.

Bể tự hoại: Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải đồng thời làm chức năng: lắng, phân hủy cặn lắng và lọc. Cặn lắng giữ trong hầm khoảng 6 – 8 tháng, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.



Hình 7 – Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

Bể tự hoại được thiết kế theo kiểu bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại 3 ngăn là bể phản ứng kỵ khí với các vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dòng hướng từ trên xuống. Bể tự hoại 3 ngăn là công trình đồng thời làm hai chức năng là lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí phát sinh trong quá trình lên men yếm khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm của bể tự hoại là cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao. Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng cho phép đạt hiệu suất lắng cặn trung bình 70 - 80%.

Dựa trên cơ sở bảng 5, với tổng số người trong cơ sở là 300 người Vậy ta có thể tính tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt như bảng sau.

Bảng 9 – Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/ngày)
BOD ₅	13.500 – 16.200
COD	21.600 – 30.600
SS	21.000- 43.500
Tổng nitơ	1.800 – 3.600
Amoni	720 – 1.440
Tổng photpho	240 – 1.200

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được tính toán trên cơ sở tải lượng ô nhiễm và lưu lượng nước thải.

Kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được trình bày trong bảng sau.

Bảng 10 – Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)		QCVN14:2008/BTNMT cột B
	Trước khi xử lý	Sau khi xử lý bằng bể tự hoại	
BOD ₅	1.800 – 2.160	540 – 648	50
SS	2.800 – 5.800	840 – 1.740	100
Tổng nito	240 – 480	72 - 144	50
Amoni	96 – 192	28,8– 57,6	10
Tổng photpho	32 – 160	9,6 – 48	10

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt đã qua xử lý bằng bể tự hoại với tiêu chuẩn cho thấy: Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại các chỉ tiêu có giảm nhưng vượt mức quy chuẩn cho phép. Vì vậy, nước thải qua bể tự hoại sẽ định kỳ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và hút đi xử lý.

Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn định kỳ được chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút, xử lý theo quy định.

Vị trí điểm đặt ống hút nước thải của xe bồn có tọa độ: X= 1464200; Y = 464186 (VN 2000).

- Nước thải dính sơn được thu gom về thùng chứa, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Vị trí bể chứa 1 m³ có tọa độ: X= 1464133; Y = 464100 (VN 2000).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi từ phương tiện vận chuyển

Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển ra vào công ty:

- Thông báo đến các chủ phương tiện tuân thủ quy định pháp luật về giao thông, kiên quyết không làm việc đối với các phương tiện không tuân thủ quy định pháp luật về giao thông như: Không kiểm định chất lượng, chở quá tải nhằm giảm thiểu mức độ gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với các phương tiện giao thông ra vào khu vực cần đề nghị giảm tốc độ xe để hạn chế khí thải.

- Phun nước tại khu vực trước khuôn viên công ty nơi có phương tiện vận tải thường xuyên ra vào.

2.2. Không chế ô nhiễm do dung môi hữu cơ bay hơi trong quá trình phun sơn

- Công ty áp dụng công nghệ phun sơn có thiết bị thu hồi bụi sơn bằng màng chắn nước nên một phần hơi dung môi cũng được màng nước này hấp thụ.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân (găng tay, khẩu trang, ủng...).

- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân và thực hiện Đo kiểm môi trường lao động hàng năm (*kết quả đo kiểm được đính kèm phụ lục*).

2.3. Giảm thiểu Bụi

- Bụi phát sinh từ các công đoạn (tạo dáng) cắt, bào, xén, gọt: Công ty bố trí đặt 01 máy hút bụi với công suất quạt ly tâm 50 HP tương đương lưu lượng gió 35.000 m³/h (*Thông số kỹ thuật của quạt ly tâm được đính kèm phụ lục*), khi các thiết bị hoạt động bụi được thu gom theo hệ thống khép kín bằng hệ thống ống dẫn đường kính 1,2m (Tại từng công đoạn đều có hệ thống hút thu bụi và dẫn về đường ống chính). Luồng khí có lẫn bụi được xử lý thông qua biện pháp lọc bụi túi vải và dẫn về 02 hầm chứa mùn cưa, bụi gỗ với thể tích chứa mỗi hầm 600 m³. Lượng bụi và mùn cưa này sẽ được Công ty hợp đồng với các đơn vị thu gom làm viên nén gỗ.

- Bụi sơn phát sinh từ công đoạn phun sơn:

+ Để giảm thiểu Bụi sơn và hơi dung môi trong quá trình phun sơn, Công ty bố trí khu vực phun sơn trong một khu riêng, cách ly so với các khu khác trong công ty và lắp đặt 01 thiết bị màng chắn nước để xử lý bụi sơn, hiệu quả xử lý đạt khoảng 85%. Thiết bị màng chắn nước chính là một dạng của thiết bị xử lý khí bụi bằng phương pháp hấp thụ.

+ Bụi sơn được thu hồi bằng thiết bị màng chắn nước, theo nguyên lý: Chi tiết sản phẩm sơn được đặt trước một bể chứa nước có một màng chắn nước với chiều cao khoảng 1,8m. Khi bụi sơn bắn ra gặp phải màng nước sẽ được giữ lại và trôi xuống bể chứa, nước trong bể chứa được bơm tuần hoàn để tạo màng nước. Sau một thời gian sử dụng lượng cặn sơn sẽ được thu gom vào thùng chứa riêng và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, bố trí thời gian công nhân làm việc tại khu vực phun sơn phù hợp với yêu cầu của Bộ lao động thương binh xã hội.

- Bụi phát sinh từ công đoạn gia công chà nhám, tuy tải lượng bụi sinh ra không nhiều nhưng phần lớn đây là bụi tinh, mịn có kích thước nhỏ, thường từ 2 – 20 μm cho nên dễ phân tán trong không khí và khó thu hồi. Công ty sử dụng biện pháp để thu gom lượng bụi mịn như sau:

+ Công nhân thực hiện chà nhám trên các bàn chà, bề mặt bàn lắp đặt các tấm lưới sắt cho bụi mịn rơi xuống phễu chứa phía dưới bàn. Công ty bố trí 01 máy hút bụi công suất nhỏ 7,5 HP tương đương lưu lượng gió 8.000 m^3/h (*Thông số kỹ thuật của quạt ly tâm được đính kèm phụ lục*). Khi các thiết bị hoạt động bụi được thu gom theo hệ thống khép kín bằng hệ thống ống dẫn đường kính 0,2 m (Ống dẫn được nối vào các phễu dưới bàn chà). Luồng khí có lẫn bụi được xử lý thông qua biện pháp lọc bụi túi vải, định kỳ khi đầy thì lượng bụi được công nhân tháo ra và vận chuyển về hầm chứa mùn cưa. Lượng bụi trong công đoạn chà nhám phát sinh ít, chủ yếu bụi mịn khoảng 3 kg/ngày.

3. Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt

- Với số lượng nhân viên làm việc tại công ty thì khối lượng chất thải phát sinh theo thực tế khoảng 50 kg/ngày được nhân viên thu gom trực tiếp tại nguồn phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa rác có nắp đậy kín.

- Chất thải có khả năng tái chế (chai nhựa, lon nước...) được gom vào các thùng chứa 200l đặt phía sau khuôn viên công ty và bán lại cho các đơn vị có nhu cầu.

- Chất thải không có khả năng tái chế (thực phẩm thừa, bao bì ni lông...) được thu gom vào các bao tải nhựa định kỳ dịch vụ thu gom rác thải của địa phương đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý.

Tần suất vận chuyển: Định kỳ, lượng chất thải này được dịch vụ thu gom rác thải của địa phương đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý 3 lần/ tuần theo đúng quy định.

Chất thải công nghiệp thông thường

- Khối lượng phát sinh:

Theo Tài liệu đánh giá nhanh của tổ chức Y tế thế giới thì trong cưa cắt gỗ tạo 0,187 kg bụi/tấn nguyên liệu; bụi mùn cưa tạo thành 0,5 kg/tấn nguyên liệu:

Lượng bụi, mùn cưa tạo thành được tính như sau:

Hàng năm lượng gỗ nguyên liệu: 12.000 m^3 , gỗ nguyên liệu thường tỷ trọng của gỗ 0,7-0,8 m^3 gỗ:

$$12.000 \text{ m}^3 \times 0,75 \text{ tấn/m}^3 = 9.000 \text{ tấn}$$

$$\text{Lượng bụi tạo thành trong cưa cắt: } 0,187 \times 9.000 \text{ tấn} = 1.683 \text{ kg}$$

$$\text{Lượng bụi mùn cưa tạo thành: } 0,5 \times 9.000 \text{ tấn} = 4.500 \text{ kg}$$

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

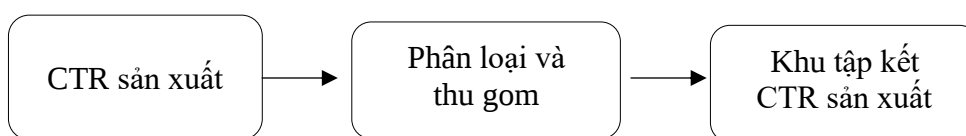
Tổng lượng bụi, mùn cưa tạo thành: 6.183 kg/năm

Bảng 11 – Chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTRCNTT	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/tháng)
01	Củi phế phẩm	Rắn	100.000
02	Mùn cưa, bụi	Rắn	515
03	Giấy, nhãn và bao bì Cartong thải bỏ	Rắn	200
04	Bao bì nhựa thải	Rắn	2

(Nguồn: Công ty CP Trường Thành)

Quy trình thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường tại công ty như sau:



Hình 8 – Quy trình thu gom CTRCNTT

Thuyết minh quy trình:

Chất thải rắn sản xuất thông thường tại nhà máy gồm các loại chất thải như: Củi phế phẩm, bụi, mùn cưa, giấy nhãn bao bì Cartong, bao bì nhựa thải... Công ty sẽ tiến hành phân loại từng thành phần chất thải phát sinh và tập kết tại khu chất thải rắn thông thường.

+ Củi phế phẩm, dăm bào và các đầu mẩu gỗ: Sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò sấy (chuyển cho lò sấy Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành).

+ Bụi, mùn cưa, giấy nhãn bao bì Cartong, bao bì nhựa thải... bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng. Trong đó:

- Bụi, mùn cưa được bán cho các Công ty sản xuất viên nén gỗ trên địa bàn huyện với tần suất thu gom 02 ngày/lần.

- Bao bì Cartong, bao bì nhựa thải: Bán cho đơn vị thu mua tái chế phế liệu.

Công trình tập kết, lưu giữ:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

+ Chất thải từ gỗ loại bỏ: thu gom tập trung tại các kệ palet hoặc các thùng chứa bằng tôn;

+ Giấy, nhãn và bao bì Cartong thải bỏ, bao bì nhựa thải lưu chứa tại khu vực kho chứa rác thải sản xuất tại các thùng chứa bằng tôn hoặc thùng nhựa.

4. Công trình lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Khối lượng CTNH phát sinh

Bảng 12 – Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại công ty

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng
1.	Màn sơn, cặn sơn	Bùn	08 01 01	5 (kg/tháng)
2.	Hỗn hợp nước có lẫn màu, cặn sơn	Lỏng	08 01 04	100 (lít/tháng)
3.	Hộp mực in	Rắn	08 02 04	Trả lại cho đơn vị cung cấp
4.	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	1 (kg/năm)
5.	Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất	Rắn	18 02 01	5 (kg/tháng)
6.	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (Thùng sơn 600 lít phục vụ sơn xịt sản phẩm).	Rắn	18 01 04	20 (kg/năm)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Trường Thành)

4.2. Biện pháp thu gom, Công trình lưu giữ CTNH

Chất thải nguy hại phát sinh tại công ty được thu gom, phân loại và chứa trong thùng phuy có gắn nhãn chất thải, có nắp đậy sau đó được vận chuyển về khu lưu giữ chất thải của công ty.

Vị trí khu lưu trữ chất thải nguy hại; được bố trí phía sau công ty theo quy định, cụ thể như sau:

- Mỗi loại CTNH được bố trí tại 01 thùng chứa riêng và có nhãn dán.

- Khu chứa CTNH được bố trí theo đúng quy định và đảm bảo các tiêu chuẩn như: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lỏng để phòng ngừa sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thủng, vỡ. Bố trí các thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay,... Phía ngoài phải có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

Tần suất vận chuyển: định kỳ 01 lần/năm. Lượng chất thải này được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý theo đúng quy định (hiện tại đang hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh thu gom và xử lý theo quy định).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành;
- Tuân thủ các quy định bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc, thiết bị sản xuất;
- Cách ly, bao kín các nguồn gây ra tiếng ồn bằng các vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp;
- Các phương tiện vận chuyển thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng để giảm thiểu tiếng ồn;
- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng vật liệu hút và giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Thay đổi tính đàn hồi và khối lượng của các bộ phận máy móc sản xuất để thay đổi tần số dao động riêng của chúng tránh cộng hưởng.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng chống cháy nổ

- Công ty sẽ thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt các quy định của cơ quan chức năng tại địa phương cũng như của Nhà nước và công tác bảo đảm an toàn lao động và an toàn phòng chống cháy nổ.
- Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện cứu hỏa như: bình CO₂, thang, xẻng, cát, bồn chứa nước,...
- Tuân thủ các quy phạm của nhà chế tạo về việc vận hành, bảo trì, sửa chữa các thiết bị sản xuất để đảm bảo sự hoạt động an toàn và hiệu quả của thiết bị.
- Định kỳ 1 năm/lần, phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy tiến hành tập huấn, hướng dẫn, giáo dục cho toàn thể cán bộ công nhân viên về công tác phòng chống cháy nổ để ứng cứu kịp thời khi sự cố xảy ra;
- Lắp các biển báo nguy hiểm và cấm lửa tại một số khu vực: kho hóa chất, các lò sấy nhiệt, kho CTNH.
- Hằng năm phối hợp với cơ quan chức năng, Công an PCCC tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn và huấn luyện công tác về phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy nổ cũng như các biện pháp án dụng để xử lý các tình huống của công tác này cho người lao động của công ty.

6.2. Phòng chống sét

Công ty xây dựng lắp đặt hệ thống chống sét, cột thu sét tại các nóc nhà, các công trình có độ cao theo đúng thiết kế quy định của ngành xây dựng và các quy định hiện hành khác. Hệ thống chống sét đánh thẳng và cảm ứng, hệ thống tiếp địa chống tĩnh điện.

6.3. An toàn lao động

- Trong quá trình sản xuất cần hợp lý hóa quy trình sản xuất để rút thời gian tiếp xúc với các loại hóa chất, các khí trong quá trình chế biến.

- Bố trí luân phiên về tần suất làm việc cho người lao động (3-4 giờ/lượt) nhất tại các khu vực sinh nhiệt.

- Cần tuân thủ nghiêm ngặt các qui định an toàn lao động, có những qui định về vệ sinh cá nhân.

- Kiểm tra tình trạng sức khỏe nhân viên theo quy định của Nhà nước theo định kỳ 1 năm/lần.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân: khẩu trang; nón, giày bảo hộ,...

- Tất cả các phân xưởng để lắp quạt thổi công nghiệp tạo sự thông thoáng, mát mẻ đảm bảo môi trường làm việc cho lao động.

- Có chế độ nghỉ giữa ca cho công nhân và thời gian làm việc đảm bảo 8 tiếng/ca

6.4. Các biện pháp hỗ trợ khác

Ngoài các biện pháp kỹ thuật và công nghệ là chủ yếu, có tính chất quyết định để làm giảm ô nhiễm gây ra cho con người và môi trường, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp hỗ trợ khác để góp phần hạn chế ô nhiễm và cải tạo môi trường.

- Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp cho nhân viên, thực hiện thường xuyên và có khóa học các chương trình vệ sinh, quản lý chất thải của công ty.

- Cùng với các bộ phận khác trong khu vực này tham gia thực hiện các kế hoạch hạn chế tối đa các ô nhiễm, bảo vệ môi trường theo các quy định và hướng dẫn chung của các cấp chuyên môn và thẩm quyền của tỉnh.

- Thực hiện việc hoàn thiện và cải tạo công nghệ nhằm hạn chế ô nhiễm, đơn đốc và giáo dục các cán bộ công nhân viên trong công ty thực hiện các quy định an toàn lao động phòng chống cháy nổ.

6.5. Đối với sự cố hệ thống bể tự hoại, đường ống thoát nước

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín an toàn nhất.

- Bổ sung chế phẩm vi sinh thường xuyên làm sạch các bề mặt chứa các chất hữu cơ lắng đọng để tăng hiệu quả xử lý khu vực bể tự hoại.

- Hạn chế nước mưa, nước thải nhiễm dầu: Để hạn chế nước mưa, nước thải có thể nhiễm dầu mỡ khoáng, trường hợp xảy ra hiện tượng rơi vãi dầu mỡ khoáng trong các xưởng sản xuất, biện pháp xử lý: dùng giẻ lau để lau chùi những chỗ rơi vãi dầu. Sau đó, các vật liệu này sẽ được xử lý cùng với chất nguy hại.

- Đối với kho chứa chất thải: Khu vực nhà kho chứa đảm bảo có mái che, nền bê tông, có tường bao xung quanh, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước. Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý. Ngoài ra, công ty có các biện pháp để phòng ngừa, kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

7. Các nội dung thay đổi so với Giấy xác nhận môi trường

7.1. Công suất, sản phẩm của cơ sở

Tại Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất đồ gỗ tinh chế xuất khẩu” của Xí nghiệp Tư doanh chế biến gỗ Trường Thành nay là Công ty cổ phần Trường Thành số 453/XN-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk xác nhận ngày 26/7/2004, quy mô công suất bình quân hàng năm của Công ty là gỗ tròn: 12.000 m³/năm

Hiện nay để phù hợp với tình hình thực tế, Công ty chỉ sản xuất nguyên liệu là gỗ xẻ (chi tiết) được đặt hàng từ các Công ty gia công theo yêu cầu và gỗ này cũng đã được sấy tại Công ty CP chế biến gỗ Trường Thành (Km 83, xã Ea Ral, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk. Quy mô công suất hiện tại trung bình là 12.000 m³ gỗ xẻ chi tiết/năm. Chính vì vậy mà dây chuyền sản xuất của Công ty cũng đã được bỏ đi công đoạn cưa, xẻ và sấy.

7.2. Hệ thống, quy trình công nghệ tại cơ sở

Theo Bảng đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất đồ gỗ tinh chế xuất khẩu của Xí nghiệp Tư doanh chế biến gỗ Trường Thành nay là Công ty cổ phần Trường Thành” thì quy trình hoạt động của dự án sẽ có công đoạn ngâm, tẩm và sấy. Công đoạn ngâm, tẩm được sử dụng cho các loại gỗ mềm như Cao su...Hiện nay, Cơ sở chỉ sử dụng nguyên liệu là gỗ keo trầm để tạo thành phẩm nên công đoạn ngâm, tẩm không còn được sử dụng. Công đoạn sấy thì công ty cũng không thực hiện, phần gỗ nhập về đã được sấy trước đó.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải: Cơ sở có 02 nguồn nước thải

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt

+ Nguồn số 2: Nước thải sản xuất (Nước thải chứa sơn)

b. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Nước thải sinh hoạt: 7,5 m³/ngày

Nước thải sản xuất: 100 lít/tháng

c. Dòng nước thải:

- Nước thải sinh hoạt dẫn về bể tự hoại 03 ngăn, định kỳ được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng hút đi xử lý, không phát thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất (Nước thải dính sơn): được gom vào bể chứa, được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý và không phát thải ra môi trường.

d. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Bảng 13 – Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT	
			C (Cột B)	C _{max} (K _q = 0,9, K _f = 0,6)
1	Màu	Pt/Co	150	81
2	pH	-	5,5-9	5,5-9
3	BOD ₅	mg/l	50	28
4	COD	mg/l	150	81
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	54
6	Asen	mg/l	0,1	0,054
7	Thủy ngân	mg/l	0,01	0,005
8	Chì	mg/l	0,5	0,27
9	Sắt	mg/l	5	2,7

e. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

+ Nước thải sinh hoạt

Nguồn thải dẫn về bể tự hoại 03 ngăn, định kỳ được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng hút đi xử lý, không phát thải ra môi trường. Tọa độ vị trí đặt điểm hút bể (theo hệ tọa độ VN 2000) (X= 1464088; Y = 464069).

Phương thức: Hút định kỳ khi bể đầy, tránh tình trạng tràn ra môi trường.

+ Nước thải sản xuất (Nước thải chứa sơn).

Nước thải chứa sơn là chất thải lỏng nguy hại được gom vào bể chứa, được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý và không phát thải ra môi trường. Lượng thải này được hợp đồng với Công ty TNHH TM&XD An Sinh thu gom và xử lý theo quy định. Tọa độ vị trí đặt bể chứa nước thải dính sơn (theo hệ tọa độ VN 2000) (X= 1464204; Y = 464194).

Phương thức: Hút định kỳ khi bể đầy, tránh tình trạng tràn ra môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: Khí thải qua hệ thống lọc bụi

+ Nguồn số 2: Khí thải từ khu vực phun sơn

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Khí thải qua hệ thống lọc bụi: 35.000 m³/h (Căn cứ theo công suất quạt hút).

Khí thải từ khu vực phun sơn: Lượng khí thải dính sơn này được thu hồi bằng màng chắn nước. Lượng nước dính sơn phát sinh với lưu lượng thải là 100 lít/tháng.

- Dòng khí thải

+ 01 dòng khí thải qua hệ thống lọc bụi (Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt, bào được lắp đặt chụp hút để hút các dòng khí có chứa bụi đưa về hệ thống lọc bụi).

+ Khí thải từ khu vực phun sơn.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

+ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải qua hệ thống lọc bụi:

Bảng 14 – Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải qua hệ thống lọc bụi túi vải

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT	
			C (Cột B)	C _{max} (K _q = 1, K _v = 1)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200

+ Vị trí xả thải: Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000) (X= 1464130; Y= 464237);

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

+ Phương thức xả thải: Xả liên tục 12/12 giờ các ngày làm việc (thứ 2 đến thứ 7). Bụi khí thải sau xử lý được dẫn về 02 hầm chứa có thể tích 600 m³.

+ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải qua hệ thống thu gom bụi sơn bằng màng nước:

Bảng 16 – Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải qua hệ thống thu gom bụi sơn bằng màng nước

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
			C (Cột B)	C _{max} (K _q = 1, K _v = 1)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-
2	Etylaxetat	mg/Nm ³	-	1400
3	Xylen	mg/Nm ³	-	870
4	Toluen	mg/Nm ³	-	750
5	Metanol	mg/Nm ³	-	260

- Vị trí xả thải: Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN 2000) (X= 1464204; Y = 464194);

- Phương thức xả thải: Xả liên tục 12/12 giờ các ngày làm việc (thứ 2 đến thứ 7). Bụi khí thải từ khu vực phun sơn sau khi được thu gom sẽ chứa vào bể chứa và hợp đồng với Công ty TNHH TM&XD An Sinh thu gom và xử lý theo quy định.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Từ hoạt động của dây chuyền sản xuất.

+ Từ hoạt động ra vào cơ sở của phương tiện giao thông, phương tiện chở nguyên liệu và thành phẩm,...

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT (khu vực bên ngoài); QCVN 24:2016/BYT (khu vực bên trong).

Bảng 17 – Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70dBA	04 lần/năm	Khu vực ngoài cơ sở
2	85dBA	04 lần/năm	Khu vực trong cơ sở

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với độ rung QCVN 23:2010/BTNMT (khu vực bên ngoài); QCVN 24:2016/BYT (khu vực bên trong).

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

thuật môi trường đối với **độ rung** QCVN 27:2010/BTNMT:

Bảng 18 – Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Từ 6-21 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70 dB	04 lần/năm	<i>Khu vực thông thường</i>

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí:

- Vị trí lấy mẫu:
- + KK1: Khu vực trước văn phòng làm việc
- + KK2: Khu vực trước cổng bảo vệ
- + KK3: Khu vực cách sân bóng đá 50m
- + KK4: Khu vực cách cổng bảo vệ 100m về cuối hướng gió
- + KK5: Khu vực cách cổng bảo vệ 200m về cuối hướng gió
- + KK6: Khu vực rong chi tiết
- + KK7: Khu vực phơi
- + KK8: Khu vực lắp ráp
- + KK9: Khu vực sơn
- + KK10: Khu vực cửa xẻ gỗ
- Thời gian thử nghiệm: 22/6/2022 – 29/6/2022
- Kết quả thử nghiệm:

Bảng 19 – Kết quả quan trắc chất lượng không khí

Vị trí đo	VOC (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Bụi lơ lửng (mg/m ³)	Bụi sơn (mg/m ³)	Độ ồn (dBA)	Độ rung (m/s ²)
KK1	0,017	0,041	0,038	0,16	KPH	53-62	0,011
KK2	0,015	0,056	0,029	0,19	KPH	51-63	0,012
KK3	0,013	0,052	0,036	0,26	KPH	56-60	0,011
KK4	0,018	0,049	0,033	0,22	KPH	54-68	0,011
KK5	0,011	0,047	0,024	0,24	KPH	58-69	0,011
KK6	0,16	0,078	0,045	0,27	KPH	66-72	0,014
KK7	0,24	0,056	0,042	0,25	KPH	59-73	0,012
KK8	0,23	0,053	0,048	0,23	0,2	63-78	0,014
KK9	0,29	0,19	0,12	0,21	0,34	61-75	0,013
KK10	0,13	0,075	0,044	0,18	KPH	57-71	0,014
QCVN 05:2013/BTNMT	-	0,35	0,2	0,3	-	-	-
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	-	-	70	-
QCVN 27:2010/BTNMT	-	-	-	-	-	-	0,03

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty cổ phần Trường Thành*

QCVN 02:2019/BYT	-	-	-	6	8	-	-	
QCVN 03:2019/BYT	-	-	-	-	-	-	-	
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	-	-	85	-	-

(Nguồn: Trung tâm Môi trường PNE, tháng 6/2022)

Ghi chú:

- *QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;*
- *QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.*
- *QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi -giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*
- *QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc tiếng ồn tại nơi làm việc.*

Kết luận: Qua kết quả đo đạc chất lượng môi trường không khí của cơ sở tại Bảng trên, ta thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn. Như vậy, chất lượng môi trường không khí tại cơ sở được đảm bảo tốt, không gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.

CHƯƠNG VI

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA
CƠ SỞ**

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Căn cứ Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 06 tháng sau khi sau khi được cấp giấy phép môi trường và đủ điều kiện vận hành thử nghiệm.

Lưu lượng thải dự kiến:

Lưu lượng xả thải khí thải, bụi từ hệ thống lọc bụi: 35.000 m³/h.

Lưu lượng xả khí thải tại khu vực phun sơn: Lượng khí dính sơn này được hấp thụ bằng màng chắn nước khi phun sơn, lượng thải 100 lít/tháng.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 20 – Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
01	Khí thải tại khu vực tạo dáng (Thực hiện việc cắt, bào, xén, gọt...)	Bụi tổng	Mẫu tổ hợp: Giá trị trung bình 03 mẫu đơn trong 03 thời điểm liên tiếp (sáng, trưa, chiều)	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
02	Khí thải tại khu vực phun sơn	Bụi tổng, Etylaxetat, Xylen, Toluene, Metanol		QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT

2. Chương trình quan trắc chất thải

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Quan trắc môi trường khí thải

a. Bụi từ hệ thống thu bụi sản xuất:

- Vị trí giám sát: 02 điểm tại:
 - + Khu vực bên trong nhà xưởng tại hệ thống chà nhám, cắt, bào, xén, gọt gỗ.
 - + Khu vực bên ngoài tại nhà thu gom bụi.
- Chỉ tiêu giám sát: Bụi
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)

b. Khu vực sơn:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực phun sơn
 - Chỉ tiêu giám sát: Bụi tổng, Etylaxetat, Xylen, Toluene, Metanol
 - Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT.
- 2.1.2. Giám sát chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại)
- Nội dung giám sát: Chất thải rắn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.
 - Chủ đầu tư sẽ giám sát: khối lượng, thành phần và chứng từ thu gom.
 - Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.
 - Tần suất thu gom, xử lý: 01 tháng/lần.
 - Nhật ký quản lý chất thải rắn của chủ đầu tư sẽ được lưu giữ, định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý môi trường (01 năm/lần).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không

Theo quy định tại Điều 98 thì cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xả bụi, khí thải công nghiệp lớn ra môi trường do đó chỉ phải thực hiện quan trắc định kỳ.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Dự kiến, kinh phí cho việc thực hiện quan trắc môi trường hằng năm được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 21 – Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (đồng/năm)
1	Quan trắc môi trường hàng năm (khí thải)	04 lần/năm	50 triệu đồng

CHƯƠNG VII

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI
VỚI CƠ SỞ**

Không có

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ cơ sở cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan

Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

- Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông Tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Thực hiện việc giám sát nguồn thải định kỳ theo quy định khi đúng như đã cam kết và định kỳ lập báo cáo quan trắc gửi về UBND huyện, Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Ea H'Leo tối thiểu 02 lần/năm. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường 01 lần/năm.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn lao động, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

- Hàng năm thực hiện quan trắc môi trường và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Phụ lục 01: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục 02: Bản sao giấy tờ pháp lý về môi trường
3. Phụ lục 03: Các Hợp đồng, biên bản nghiệm thu về thu gom chất thải môi trường
4. Phụ lục 04: Hóa đơn, chứng từ liên quan